

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	16 - 46

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác như sau:

- ▶ Chi nhánh Chợ Lớn: Tầng 1, 86 Tân Đà, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh Phú Nhuận: Tầng 1, Tòa nhà Tân Hà Phan, 465 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Chi nhánh An Giang: Tầng 3, TTTM Nguyễn Huệ, 9/9 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- ▶ Chi nhánh Đồng Nai: Tầng 3, Phòng 303, Tòa nhà NK, 208D Phạm Văn Thuận, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; và
- ▶ Chi nhánh Hà Nội: Tầng 3A-06, Tòa Nhà Horizon, Số 40 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.745.000.000.000 VND và tổng tài sản là 3.511.512.569.800 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Mohamad Yasin Bin Abdullah	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Ông Rajiv Vijendran	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Lok Eng Hong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Che Zakiah Binti Che Din	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2020
Bà Trần Ngọc Như Hiền	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Tuyết Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Kim Thiên Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015
Ông Tô Quốc Tuấn	Giám đốc Tài chính	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 7 năm 2021
Ông Trần Châu Tiến	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Vũ Gia Vinh	Giám đốc Khối ngân hàng đầu tư	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Ngọc Hương	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Kim Thiên Quang, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

Số tham chiếu: 60994674/22687633

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”), được lập ngày 20 tháng 7 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám Đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2021

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.461.634.019.949	2.295.805.218.081
110	I. Tài sản tài chính		3.455.168.911.199	2.293.426.289.183
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	811.715.020.501	148.463.942.745
111.1	1.1 Tiền		811.715.020.501	98.463.942.745
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		-	50.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6.1	131.231.850	3.375.030
114	3. Các khoản cho vay	6.2	2.605.156.555.059	2.104.399.987.781
116	4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.3	(1.922.794.815)	(3.342.102.022)
117	5. Các khoản phải thu	7	19.873.963.739	15.263.556.121
117.1	5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	517.500
117.2	5.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		19.873.963.739	15.263.038.621
117.4	5.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		19.873.963.739	15.263.038.621
118	6. Trả trước cho người bán	7	221.843.000	38.378.358
119	7. Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	7	15.858.395.228	28.509.402.709
122	8. Các khoản phải thu khác	7	4.249.997.032	205.048.856
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		(115.300.395)	(115.300.395)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	8	6.465.108.750	2.378.928.898
131	1. Tạm ứng		50.015.648	33.500.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		6.415.093.102	2.345.428.898
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.878.549.851	51.276.043.490
220	I. Tài sản cố định		15.043.821.291	15.894.436.944
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.437.765.108	10.789.457.133
222	- Nguyên giá		54.996.001.392	53.507.801.392
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(44.558.236.284)	(42.718.344.259)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.606.056.183	5.104.979.811
228	- Nguyên giá		30.047.134.235	29.807.134.235
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.441.078.052)	(24.702.154.424)
240	II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.900.000	144.000.000
250	III. Tài sản dài hạn khác		34.793.828.560	35.237.606.546
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.255.088.737	3.255.088.737
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.508.942.187	1.964.330.786
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	12	30.029.797.636	30.018.187.023
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.511.512.569.800	2.347.081.261.571

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2021

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.313.926.576.915	914.365.694.931
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.313.800.787.532	914.239.905.548
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		1.245.427.810.000	855.736.090.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	13	1.245.427.810.000	855.736.090.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		22.741.276	38.042.096
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	14	8.051.321.579	6.820.171.346
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		280.332.000	280.332.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	24.572.832.629	21.388.214.655
323	6. Phải trả người lao động		24.876.330.800	22.614.598.258
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	10.380.386.529	7.337.991.270
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		189.032.719	24.465.923
340	II. Nợ phải trả dài hạn		125.789.383	125.789.383
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17	125.789.383	125.789.383
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18	2.197.585.992.885	1.432.715.566.640
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.197.585.992.885	1.432.715.566.640
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.745.000.000.000	1.056.110.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		23.994.290.807	20.197.458.918
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		23.994.290.809	20.197.458.919
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		404.597.411.269	336.210.648.803
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		404.567.591.060	336.209.264.221
417.2	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		29.820.209	1.384.582
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.511.512.569.800	2.347.081.261.571

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2021

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD SGD	19.1	8.259,17 -	175.388,28 811,30
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty	19.2	28.020.000	1.120.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	19.3	8.054.715.040.000	8.279.545.180.000
021.1	- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		7.601.997.040.000	7.745.447.510.000
021.2	- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		182.622.610.000	171.514.750.000
021.3	- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		106.050.000.000	65.450.000.000
021.4	- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		3.229.750.000	-
021.5	- Tài sản tài chính chờ thanh toán		160.815.640.000	297.132.920.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	19.4	1.837.573.120.000	1.683.994.910.000
022.1	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.689.708.730.000	1.374.784.600.000
022.2	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		76.506.680.000	242.102.600.000
022.3	- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		71.357.710.000	67.107.710.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	19.5	197.523.260.000	215.967.440.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	19.6	1.155.342.511.063	924.693.477.941
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		645.199.001.263	433.128.339.491
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		425.075.270.628	215.916.499.562
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		85.068.239.172	275.648.638.888
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		82.896.768.154	271.976.890.753
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		2.171.471.018	3.671.748.135
031	5. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.7	1.155.342.511.063	924.693.339.597
031.1	5.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.096.013.332.679	863.088.914.331
031.2	5.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		59.329.178.384	61.604.425.266
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19.7	-	138.344

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:







Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	20.1	604.019.639	6.051.587.184
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		120.378.488	267.507.825
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		45.524.024	778.620
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		438.117.127	5.783.300.739
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	20.1	111.277.049.431	83.386.310.446
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	20.2	140.427.304.336	62.234.637.385
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	20.2	2.183.218.380	2.335.949.881
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	20.2	11.815.222.360	12.042.867.840
11	6. Thu nhập hoạt động khác	20.2	3.334.766.090	3.676.740.085
20	Cộng doanh thu hoạt động		269.641.580.236	169.728.092.821
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		6.807.860	1.258.170
21.2	1.1 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		6.807.860	1.258.170
24	2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu	21	13.704.873.672	13.846.042.399
27	3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22	102.060.384.924	50.231.439.030
30	4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		3.462.694.936	3.604.148.563
31	5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		6.336.599.998	3.939.407.628
40	Cộng chi phí hoạt động		125.571.361.390	71.622.295.790
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		112.642.047	86.799.318
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		2.155.248.911	1.884.919.734
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	23	2.267.890.958	1.971.719.052

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		129.213.077	3.996.179
60	Cộng chi phí tài chính		129.213.077	3.996.179
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	24	52.707.406.697	46.248.171.515
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		93.501.490.030	53.825.348.389
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		1.419.307.207	-
72	2. Chi phí khác		-	7.866.668
80	Cộng kết quả hoạt động khác		1.419.307.207	(7.866.668)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		94.920.797.237	53.817.481.721
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		94.890.977.028	53.802.413.386
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		29.820.209	15.068.335
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	25	18.940.370.992	10.772.912.925
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		18.940.370.992	10.772.912.925
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		75.980.426.245	43.044.568.796
400	Tổng thu nhập toàn diện		75.980.426.245	43.044.568.796

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		94.920.797.237	53.817.481.721
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(7.602.947.659)	(1.660.957.864)
03	- Khấu hao tài sản cố định	9,10	2.578.815.653	3.129.983.401
04	- Các khoản dự phòng		(1.419.307.207)	(89.812.500)
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.593.366.038)	(7.660.353.805)
08	- Dự thu tiền lãi		(19.873.963.739)	(10.976.629.859)
09	- Các khoản điều chỉnh khác		13.704.873.672	13.935.854.899
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		(6.807.860)	1.258.170
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(6.807.860)	1.258.170
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		45.524.024	(778.620)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		45.524.024	(778.620)
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		87.356.565.742	52.157.003.407
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL		(166.572.984)	(295.000.815.460)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(500.756.567.278)	272.822.245.424
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		15.263.556.121	12.246.429.506
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		12.651.007.481	(1.613.370.513)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(4.228.412.818)	(3.492.943.040)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		(28.126.261)	2.843.362
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		5.022.540.558	491.700.453
42	Giảm chi phí trả trước		(3.614.275.605)	(2.447.162.643)
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.913.973.399)	(5.715.923.606)
44	Lãi vay đã trả		(15.685.018.971)	(14.196.662.780)
45	Tăng phải trả người bán		1.231.150.233	6.017.457.913
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	(109.285.893)
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		2.158.220.381	3.395.033.558
48	Tăng/(giảm) phải trả người lao động		2.261.732.542	(4.661.188.050)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		149.265.976	(52.097.540)
60	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(416.298.908.282)	19.843.264.098

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.625.100.000)	191.925.000
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.593.366.038	9.490.364.310
70	Tiền thuần từ hoạt động đầu tư		968.266.038	9.682.289.310
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	18	688.890.000.000	-
73	Tiền vay gốc	13	4.992.013.530.000	3.635.222.720.000
73.2	Tiền vay khác		4.992.013.530.000	3.635.222.720.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	13	(4.602.321.810.000)	(3.612.425.430.000)
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác		(4.602.321.810.000)	(3.612.425.430.000)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.078.581.720.000	22.797.290.000
90	TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ		663.251.077.756	52.322.843.408
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	4	148.463.942.745	133.946.184.149
101.1	Tiền		98.463.942.745	73.946.184.149
101.2	Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	60.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4	811.715.020.501	186.269.027.557
103.1	Tiền		811.715.020.501	9.269.027.557
103.2	Các khoản tương đương tiền		-	177.000.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

B03b-CTCK

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

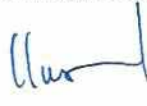
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		28.598.170.693.250	10.434.756.653.019
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(26.104.092.946.656)	(9.878.572.371.914)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		31.362.740.897.780	11.709.058.838.759
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(33.614.354.388.892)	(11.944.049.646.337)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(11.815.222.360)	(2.335.949.881)
20	Tăng tiền thuần trong kỳ		230.649.033.122	318.857.523.646
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	19.6	924.693.477.941	256.563.119.621
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		924.693.477.941	256.563.119.621
32	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		433.128.339.491	131.333.951.021
33	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		215.916.499.562	92.957.287.150
34	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		275.648.638.888	32.271.881.450
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	19.6	1.155.342.511.063	575.420.643.267
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		1.155.342.511.063	575.420.643.267
42	1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		645.199.001.263	281.141.458.617
43	2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		425.075.270.628	102.371.592.922
44	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		85.068.239.172	191.907.591.728

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toans sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

B04a-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
	Ngày 01/01/2020 VND	Ngày 01/01/2021 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30/6/2020 VND	Ngày 30/6/2021 VND
			Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.056.110.000.000	1.056.110.000.000	-	-	688.890.000.000	-	1.056.110.000.000	1.745.000.000.000
- Vốn pháp định	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-	-	-	250.000.000.000	250.000.000.000
- Vốn bổ sung	806.110.000.000	806.110.000.000	-	-	688.890.000.000	-	806.110.000.000	1.495.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	14.952.026.685	20.197.458.918	2.152.692.979	-	3.796.831.889	-	17.104.719.664	23.994.290.807
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	14.952.026.685	20.197.458.919	2.152.692.978	-	3.796.831.890	-	17.104.719.663	23.994.290.809
4. Lợi nhuận chưa phân phối	241.792.868.600	336.210.648.803	43.044.568.796	(4.305.385.957)	75.980.426.245	(7.593.663.779)	280.532.051.439	404.597.411.269
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	241.768.818.230	336.209.264.221	43.029.500.461	(4.281.335.587)	75.950.606.036	(7.592.279.197)	280.516.983.104	404.567.591.060
- Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	24.050.370	1.384.582	15.068.335	(24.050.370)	29.820.209	(1.384.582)	15.068.335	29.820.209
TỔNG CỘNG	1.327.806.921.970	1.432.715.566.640	47.349.954.753	(4.305.385.957)	772.464.090.024	(7.593.663.779)	1.370.851.490.766	2.197.585.992.885

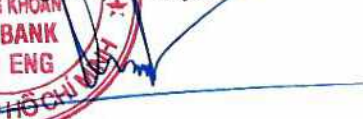
Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:







Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 7 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 117/GP-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 4 năm 2018, thay thế Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 4A - 15 + 16, tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh thành khác.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 176 người (31 tháng 12 năm 2020: 177 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.745.000.000.000 VND và tổng tài sản là 3.511.512.569.800 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu chung là cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp tạo ra giá trị cho khách hàng Công ty nói riêng và của Tập đoàn nói chung, tiến đến vị trí dẫn đầu trong tất cả các hoạt động kinh doanh, xây dựng nguồn lực thông minh và hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 ***Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Báo cáo tài chính giữa niên độ*

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên thời gian quá hạn của các khoản cho vay theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC như đã trình bày ở *Thuyết minh 3.8* hoặc dựa trên dự phòng ước tính từ việc không chắc chắn về khả năng thu hồi của những khoản cho vay đó.

3.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại. Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

3.10 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Phần mềm tin học	5 năm

3.11 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần từ một (1) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.13 Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lợi ích của nhân viên

3.15.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.15.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác.

3.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau :

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ còn lại do tổ chức tự quyết định.

3.21 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	45.345.759	56.116.134
- Tiền gửi cho hoạt động của Công ty	801.769.593.419	85.489.687.932
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	9.900.081.323	12.918.138.679
Các khoản tương đương tiền		
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	50.000.000.000
TỔNG CỘNG	811.715.020.501	148.463.942.745

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	
	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)	Khối lượng (đơn vị)	Giá trị (VND)
a. Công ty				
- Cổ phiếu	152.720	10.264.905.305	3.543.185	84.682.100.460
b. Nhà đầu tư				
- Cổ phiếu	2.704.861.284	55.990.734.631.044	1.605.388.672	20.681.835.275.602
TỔNG CỘNG	2.705.014.004	56.000.999.536.349	1.608.931.857	20.766.517.376.062

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	91.883.063	131.231.850	2.742.407	3.375.030

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Các khoản cho vay

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
1. Hoạt động cho vay ký quỹ	2.511.377.598.183	(1.922.794.815)	2.509.454.803.368	1.920.554.807.820	(3.342.102.022)	1.917.212.705.798
2. Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	93.778.956.876	-	93.778.956.876	183.845.179.961	-	183.845.179.961
TỔNG CỘNG	2.605.156.555.059	(1.922.794.815)	2.603.233.760.244	2.104.399.987.781	(3.342.102.022)	2.101.057.885.759

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.3 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 VND
Số đầu năm	3.342.102.022	3.392.102.022
Hoàn nhập trong kỳ	(1.419.307.207)	-
Số cuối kỳ	1.922.794.815	3.392.102.022

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	15.858.395.228	28.509.402.709
- Phải thu phí tư vấn và tổ chức đấu giá	12.551.941.000	25.355.000.000
- Phải thu phí môi giới	2.530.135.188	1.215.197.225
- Phải thu phí lưu ký của nhà đầu tư	776.319.040	1.939.205.484
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	19.873.963.739	15.263.038.621
- Dự thu lãi cho vay hoạt động kỳ quỹ	19.834.812.299	14.839.527.980
- Dự thu lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	39.151.440	297.264.066
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	126.246.575
Trả trước cho người bán	221.843.000	38.378.358
Khoản phải thu bán các tài sản tài chính	-	517.500
Các khoản phải thu khác	4.249.997.032	205.048.856
	40.204.198.999	44.016.386.044
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	(115.300.395)	(115.300.395)
TỔNG CỘNG	40.088.898.604	43.901.085.649

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tam ứng	50.015.648	33.500.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.415.093.102	2.345.428.898
- Chi phí bảo trì hệ thống	3.333.412.949	1.856.904.007
- Chi phí thông tin	1.372.932.384	-
- Bảo hiểm sức khỏe, nghề nghiệp	401.851.596	-
- Trả trước tiền thuê văn phòng	209.242.896	234.020.376
- Chi phí vật dụng văn phòng	54.249.524	44.987.774
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.043.403.753	209.516.741
TỔNG CỘNG	6.465.108.750	2.378.928.898

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	49.501.725.325	3.052.011.905	954.064.162	53.507.801.392
Mua trong kỳ	1.488.200.000	-	-	1.488.200.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	50.989.925.325	3.052.011.905	954.064.162	54.996.001.392
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	38.756.043.609	3.052.011.905	910.288.745	42.718.344.259
Tăng trong kỳ	1.830.415.525	-	9.476.500	1.839.892.025
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	40.586.459.134	3.052.011.905	919.765.245	44.558.236.284
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.745.681.716	-	43.775.417	10.789.457.133
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	10.403.466.191	-	34.298.917	10.437.765.108

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 35.397.997.587 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 35.368.497.587 đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	29.807.134.235
Tăng trong kỳ	240.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>30.047.134.235</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	24.702.154.424
Tăng trong kỳ	738.923.628
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>25.441.078.052</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>5.104.979.811</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>4.606.056.183</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 23.290.802.235 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 19.316.946.518 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Bảo trì hệ thống	1.489.337.127	1.837.281.014
Chi phí cải tạo văn phòng	19.605.060	127.049.772
TỔNG CỘNG	<u>1.508.942.187</u>	<u>1.964.330.786</u>

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ và tiền đóng góp vào Quỹ bù trừ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với Thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ, với mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

12. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN (tiếp theo)

Biến động tiền nộp quỹ trong kỳ như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Số dư đầu kỳ	30.018.187.023	30.000.000.000
Tiền nộp bổ sung trong kỳ	11.610.613	18.187.023
Số dư cuối kỳ	<u>30.029.797.636</u>	<u>30.018.187.023</u>

13. VAY NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>	<i>Số vay trong kỳ VND</i>	<i>Số đã trả trong kỳ VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>
Vay ngắn hạn	<u>855.736.090.000</u>	<u>4.992.013.530.000</u>	<u>(4.602.321.810.000)</u>	<u>1.245.427.810.000</u>

Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn gốc ngoại tệ từ tổ chức nước ngoài với mức lãi suất 2,09 - 2,13%/năm nhằm tài trợ cho các hoạt động hàng ngày của Công ty.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Phải trả cho các bên liên quan	7.525.965.292	6.753.466.002
Các khoản phải trả khác	525.356.287	66.705.344
TỔNG CỘNG	<u>8.051.321.579</u>	<u>6.820.171.346</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	5.635.598.533	45.764.103.303	(43.135.306.513)	8.264.395.323
	- Cửa nhân viên Công ty	1.369.758.754	15.193.352.610	(14.523.339.045)	2.039.772.319
	- Cửa nhà đầu tư cá nhân	4.265.839.779	30.570.750.693	(28.611.967.468)	6.224.623.004
2	Thuế nhà thầu	1.039.663.566	2.801.667.204	(2.657.466.269)	1.183.864.501
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.565.595.314	34.332.790.993	(32.923.004.200)	13.975.382.107
	- Cửa Công ty	10.453.409.305	18.940.370.992	(17.913.973.399)	11.479.806.898
	- Cửa nhà đầu tư tổ chức	2.112.186.009	15.392.420.001	(15.009.030.801)	2.495.575.209
4	Thuế môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
5	Thuế giá trị gia tăng	2.147.357.242	1.622.617.540	(2.620.784.084)	1.149.190.698
	TỔNG CỘNG	21.388.214.655	84.529.179.040	(81.344.561.066)	24.572.832.629

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Chi phí giao dịch	4.810.825.897	3.392.845.096
Lãi vay phải trả	2.872.584.200	892.438.901
Chi phí trích trước	1.511.783.243	1.855.394.407
Phí dịch vụ chuyên môn	851.296.344	846.850.094
Chi phí lưu ký	333.896.845	350.462.772
TỔNG CỘNG	10.380.386.529	7.337.991.270

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Khấu hao tài sản cố định	125.789.383	125.789.383

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh do khác biệt giữa tỷ lệ khấu hao của tài sản cố định theo chính sách kế toán của Công ty và Thông tư số 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Quyết định số 1173/2013 ngày 21 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định.

Chi tiết biến động khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ như sau:

	<i>Báo cáo tình hình tài chính</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Khấu hao tài sản cố định	125.789.383	125.789.383	-	-

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</i>	<i>Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số đầu kỳ	1.056.110.000.000	20.197.458.918	20.197.458.919	336.210.648.803	1.432.715.566.640
Tăng vốn trong kỳ	688.890.000.000	-	-	-	688.890.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	75.980.426.245	75.980.426.245
Trích quỹ trong kỳ	-	3.796.831.889	3.796.831.890	(7.593.663.779)	-
Số cuối kỳ	1.745.000.000.000	23.994.290.807	23.994.290.809	404.597.411.269	2.197.585.992.885

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.056.110.000.000 VNĐ thành 1.745.000.000.000 VNĐ theo Quyết định của Chủ sở hữu số 02/2021/QĐ-CSH ngày 10 tháng 6 năm 2021. Theo Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 56/GPĐC-UBCK được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước ngày 19 tháng 7 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 1.745.000.000.000 VNĐ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

19.1 Ngoại tệ các loại của Công ty (nguyên tệ)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
USD	8.259,17	175.388,28
SGD	-	811,30

19.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán (VSD) của Công ty

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	28.020.000	1.120.000

19.3 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	7.601.997.040.000	7.745.447.510.000
- Cổ phiếu	7.601.997.040.000	7.745.447.510.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	182.622.610.000	171.514.750.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	106.050.000.000	65.450.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	3.229.750.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	160.815.640.000	297.132.920.000
TỔNG CỘNG	8.054.715.040.000	8.279.545.180.000

19.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.689.708.730.000	1.374.784.600.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	76.506.680.000	242.102.600.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	71.357.710.000	67.107.710.000
TỔNG CỘNG	1.837.573.120.000	1.683.994.910.000

19.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Cổ phiếu	197.523.260.000	215.967.440.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

19. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.6 Tiền của Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	645.199.001.263	433.128.339.491
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	591.824.892.879	382.817.833.225
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	53.374.108.384	50.310.506.266
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	425.075.270.628	215.916.499.562
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	421.180.261.646	207.861.508.697
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	3.895.008.982	8.054.990.865
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	85.068.239.172	275.648.638.888
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	82.896.768.154	271.976.890.753
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	2.171.471.018	3.671.748.135
TỔNG CỘNG	1.155.342.511.063	924.693.477.941

19.7 Phải trả Nhà đầu tư

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.155.342.511.063	924.693.339.597
- Cửa Nhà đầu tư trong nước	1.096.013.332.679	863.088.914.331
- Cửa Nhà đầu tư nước ngoài	59.329.178.384	61.604.425.266
Phải trả cổ tức cho Nhà đầu tư	-	138.344
TỔNG CỘNG	1.155.342.511.063	924.693.477.941

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

20.1 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	604.019.639	6.051.587.184
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	437.726.027	5.783.280.823
- Cổ tức	391.100	19.916
- Các khoản khác	165.902.512	268.286.445
Từ các khoản cho vay và phải thu	111.277.049.431	83.386.310.446
- Tiền lãi cho vay ký quỹ	107.152.760.519	81.839.304.063
- Tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	4.124.288.912	1.547.006.383
TỔNG CỘNG	111.881.069.070	89.437.897.630

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

20.2 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	140.427.304.336	62.234.637.385
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	11.815.222.360	12.042.867.840
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2.183.218.380	2.335.949.881
Doanh thu khác	3.334.766.090	3.676.740.085
- Từ phí nghiên cứu và các hoạt động khác	3.334.766.090	3.676.740.085
TỔNG CỘNG	157.760.511.166	80.290.195.191

21. CHI PHÍ LÃI VAY, LỖ TỪ CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Chi phí lãi vay cho hoạt động ký quỹ	13.704.873.672	13.935.854.899
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	-	(89.812.500)
TỔNG CỘNG	13.704.873.672	13.846.042.399

22. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND
Lương và các khoản phúc lợi	51.319.542.504	23.198.963.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.093.787.578	25.735.825.643
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.032.724.131	854.889.830
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	544.297.304	385.311.506
Chi phí văn phòng phẩm	44.985.072	20.333.120
Chi phí công cụ, dụng cụ	25.048.335	36.115.432
TỔNG CỘNG	102.060.384.924	50.231.439.030

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.155.248.911	1.884.919.734
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	112.642.047	86.799.318
TỔNG CỘNG	2.267.890.958	1.971.719.052

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
Lương và các khoản phúc lợi	33.797.918.813	28.521.231.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.883.456.614	12.242.079.259
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.854.364.291	2.600.982.789
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2.023.506.609	2.742.160.155
Chi phí công cụ, dụng cụ	88.487.121	89.980.230
Chi phí văn phòng phẩm	51.499.249	43.737.596
Chi phí khác	8.174.000	8.000.000
TỔNG CỘNG	52.707.406.697	46.248.171.515

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế suất thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN trong kỳ và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
Lợi nhuận trước thuế	94.920.797.237	53.817.481.721
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành (20%)	18.984.159.447	10.763.496.344
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	(43.788.455)	9.416.581
- Điều chỉnh thuế TNDN năm trước sau quyết toán	(43.788.455)	9.416.581
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	18.940.370.992	10.772.912.925

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Trả gốc vay Lãi vay đã trả Trích trước lãi vay	4.992.013.530.000 4.602.321.810.000 6.520.594.003 2.077.427.732	1.493.117.340.000 1.724.461.840.000 3.106.719.141 322.632.796
Maybank international Labuan Branch	Chi nhánh của Công ty chủ quản cấp cao nhất	Vay Trả gốc vay Lãi vay đã trả Trích trước lãi vay	- - - -	2.102.105.380.000 1.867.963.590.000 4.266.501.793 482.341.820
Maybank Kim Eng Securities Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng Thu phí môi giới	8.050.779.048 111.443.248	8.403.101.664 37.531.043
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Thu phí môi giới	392.812.176	273.575.249

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của Công ty chủ quản cao nhất	Phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	3.672.698.102	4.123.133.103
		Trích trước phí dịch vụ hoán đổi tiền tệ	477.470.401	350.471.820
		Phí ngân hàng	57.536.779	46.263.636
		Thu lãi tiền gửi	4.131.245	1.315.050
Maybank Kim Eng Research Pte. Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Thu phí nghiên cứu	3.334.766.090	3.676.740.085
		Trả phí nghiên cứu	1.316.445.840	1.482.173.585
Ong Asia Securities (HK) Limited	Bên liên quan	Phí thu xếp vốn	417.822.360	420.367.840
May Bank Kim Eng Securities USA	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phí hoa hồng	6.606.643.278	-
Ban Tổng Giám đốc		Lương và thưởng	10.954.662.461	11.058.853.564

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Maybank Kim Eng Holdings Limited	Công ty mẹ	Vay Lãi vay phải trả	(1.245.427.810.000) (1.973.556.437)	(855.736.090.000) (804.896.602)
Maybank Kim Eng Securities Pte.Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phải trả phí hoa hồng Phải thu phí thu xếp vốn Phải trả khác	(4.285.083.705) - (800.612.359)	(5.335.130.532) 40.606.959 (855.457.898)

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
 Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Chi nhánh của công ty chủ quản cấp cao nhất	Phải trả dịch vụ hoán đổi tiền tệ	(477.470.401)	(87.542.299)
Maybank Kim Eng Securities (Thailand) Public Company Ltd	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phải trả tiền bán cuối tháng	(132.328.350)	(1.226.241.212)
Maybank Investment Bank Berhad	Công ty con của Công ty chủ quản cao nhất	Phải trả phí thông tin	(562.877.572)	(562.877.572)
Ong Asia Securities (HK) Limited	Bên liên quan	Phải thu phí thu xếp vốn	459.604.596	-
May Bank Kim Eng Securities USA	Công ty con của Maybank Kim Eng Holdings Limited	Phải trả phí hoa hồng	(626.768.108)	-

26.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND</i>
Đến 1 năm	4.008.748.665	9.163.585.990
Từ 1 - 5 năm	2.030.823.630	2.480.476.380
	6.039.572.295	11.644.062.370

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay kỳ quỹ và ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ trước khi ký kết các hợp đồng margin và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ (margin call) của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6*, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt tại ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
		Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND	Trên 1 năm VND		
Tiền gửi	811.669.674.742	-	-	-	-	-	811.669.674.742
Các khoản cho vay	2.603.233.760.244	-	-	-	-	1.922.794.815	2.605.156.555.059
Tài sản tài chính khác	40.088.898.604	-	-	-	-	115.300.395	40.204.198.999
TỔNG CỘNG	3.454.992.333.590	-	-	-	-	2.038.095.210	3.457.030.428.800

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tài sản tài chính						
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	131.231.850	-	-	131.231.850
Các khoản cho vay	1.922.794.815	-	2.603.233.760.244	-	-	2.605.156.555.059
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	15.858.395.228	-	-	15.858.395.228
Các khoản phải thu khác	115.300.395	-	24.230.503.376	-	-	24.345.803.771
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	811.715.020.501	-	-	-	811.715.020.501
TỔNG CỘNG	2.038.095.210	811.715.020.501	2.643.453.890.698	-	-	3.457.207.006.409
Nợ tài chính						
Vay và nợ tài chính ngắn hạn	-	-	1.245.427.810.000	-	-	1.245.427.810.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	22.741.276	-	-	22.741.276
Phải trả người bán	-	-	8.051.321.579	-	-	8.051.321.579
Chi phí phải trả	-	-	10.380.386.529	-	-	10.380.386.529
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-	469.364.719	-	-	469.364.719
TỔNG CỘNG	-	-	1.264.351.624.103	-	-	1.264.351.624.103
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	2.038.095.210	811.715.020.501	1.379.102.266.595	-	-	2.192.855.382.306

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên
Chứng khoán Maybank Kim Eng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 2.894%.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán sáu tháng yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập:



Nguyễn Thị Minh Hồng
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Trần Thị Ngọc Hương
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Kim Thiên Quang
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

